Exercise 3: Look at the pictures and complete the sentences.

Write be good at or be not good at.

1. ☺ Lily _____ cooking meals.

2. ☺ Tom _____ singing.

3. ☺ Anna _____ dancing.

4. ☹ Ben _____ swimming.

5. ☹ Peter _____ taking photos.

6. ☹ Sarah _____ playing tennis.

7. ☺ Jack _____ playing basketball.

8. ☺ Emma _____ playing badminton.

☺ be good at + V-ing = giỏi làm việc gì
☹ be not good at + V-ing = không giỏi làm việc gì

Daisy English
LIVEWORKSHEETS

Exercise 4: Put the words in the correct order.

Make correct sentences.

1. good / cooking meals / is / at / Lucy

→ _____ .

2. not / Tom / at / is / singing / good

→ _____ .

3. good / are / dancing / at / they

→ _____ .

4. swimming / my brother / good / is / at

→ _____ .

5. not / taking photos / Peter / good / is / at

→ _____ .

6. at / we / playing tennis / good / are

→ _____ .

7. making cakes / not / my sister / at / is / good

→ _____ .

8. good / playing badminton / are / you / at / ?

→ _____ ?

☺ be good at + V-ing = giỏi làm việc gì

☹ be not good at + V-ing = không giỏi làm việc gì

Daisy English
LIVEWORKSHEETS

Exercise 5: Look at the prompts and write complete sentences.

⭐ = good at ❌ = not good at

EXAMPLE

Lucy / ⭐ / play badminton

→ Lucy is good at playing badminton.

1.

   Ben / ❌ / swim

   → _____.

2.

   My friends / ⭐ / sing

   → _____.

3.

   Peter / ❌ / skate

   → _____.

4.

   Anna / ⭐ / make cakes

   → _____.

5.

   Tom and Jack / ❌ / dance

   → _____.

6.

   My sister / ⭐ / take photos

   → _____.

7.

   I / ❌ / climb trees

   → _____.

8.

   We / ⭐ / play basketball

   → _____.

⭐ be good at + V-ing = giỏi làm việc gì

❌ be not good at + V-ing = không giỏi làm việc gì

Daisy English
LIVEWORKSHEETS